

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

PHẠM THỊ LUƠNG ĐIỀU*

Từ năm 1954 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, kinh tế hộ ở nước ta đã có sự phát triển ở những mức độ khác nhau qua từng thời kỳ. Từ năm 1981 và đặc biệt là từ năm 1988 đến nay, cùng với sự phát triển của kinh tế nông nghiệp - nông thôn, vai trò, vị trí của kinh tế hộ được khẳng định và kinh tế hộ được khuyến khích phát triển trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN.

Bước đột phá trong quá trình từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, dẫn tới những thay đổi về vai trò, vị trí của kinh tế hộ được bắt đầu từ năm 1979. Trước đòi hỏi bức xúc của thực tiễn và những khó khăn gay gắt của nền kinh tế, tháng 8 - 1979, tại HNTƯ 6 (Khoá IV), Đảng ta đã nhận định sâu sắc tình hình kinh tế - xã hội và ra Nghị quyết về những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách. Trong đó nổi bật là chủ trương để cho "sản xuất bung ra", mà trước hết là trên lĩnh vực nông nghiệp.

Những chủ trương, chính sách thông qua tại HNTƯ 6 đã nới lỏng cơ chế quản lý trong các HTX, tạo điều kiện tăng thêm quyền tự chủ của hộ xã viên.

Các hộ xã viên đã được hợp tác xã cho mượn đất sản xuất vụ Đông; đồng thời Nhà nước chỉ đạo tiến hành sửa đổi mức thuế nông nghiệp, điều chỉnh giá thu mua và định mức nghĩa vụ lương thực, theo hướng có lợi hơn cho hộ xã viên.

Vào thời điểm đó, ở một số nơi trên miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng "khoán chui" trong nông nghiệp, bước đầu cho kết quả tốt trong sản xuất. Bấy giờ đánh giá về hiện tượng này, có hai ý kiến trái ngược nhau: một bộ phận ủng hộ, coi đó là hiện tượng lành mạnh, phù hợp với tinh thần NQTƯ 6 (Khoá IV); một bộ phận khác phản ứng gay gắt, cho rằng khoán hộ sẽ làm xói mòn quan hệ sản xuất XHCN đã được xây dựng ở miền Bắc hơn 20 năm qua và gây trở ngại cho công cuộc cải tạo XHCN đối với nông nghiệp trên địa bàn phía Nam...

Để có thêm cơ sở thực tiễn từ đó đi đến những quyết định đúng đắn trước hiện tượng khoán hộ, ngày 21 - 10 - 1980, Ban bí thư (BBT) ra Thông báo số 22 *Ghi nhận và cho phép các địa phương làm thử hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa*. Hình thức này được triển khai rộng rãi ở nhiều HTX trên các vùng, đã cho sản lượng lúa tăng lên rõ rệt.

Trên cơ sở tổng kết đánh giá tình hình thực tế, tháng 1 - 1981, BBT đã ban hành Chỉ thị 100, chính thức quyết định chủ trương thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Nội dung chủ yếu của Chỉ thị 100 (hay còn gọi khoán 100) là cải tiến công tác khoán với hai hình thức là khoán sản phẩm (khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động) và khoán việc (khoán việc đến nhóm lao động và người lao động), tùy thuộc vào đặc điểm và điều kiện mà mỗi HTX có thể vận dụng hình thức

* Trưởng đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội

này hay hình thức kia, hoặc sử dụng kết hợp cả hai cách cho phù hợp, nhằm "khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động và làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý của hợp tác xã đều thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng, do đó mà đưa hết nhiệt tình và khả năng ra lao động, sản xuất"¹.

Chỉ thị 100 được coi là sự đột phá đầu tiên vào mô hình hợp tác hoá - tập thể hoá cùng với cơ chế quản lý của nó. Theo đó, quan hệ giữa HTX và các hộ nông dân có nhiều biến đổi. Các hộ gia đình xã viên có thể tự đầu tư thêm công sức và chi phí để tăng sản lượng vượt khoán vì họ được hưởng hầu hết phần sản lượng đó. Lợi ích của người lao động đã gắn kết hơn với kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất - sản phẩm vượt khoán. Vai trò tích cực của hộ gia đình xã viên bước đầu được xác lập lại. Đó chính là động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển mà cơ chế cũ chưa tạo ra được. Vì vậy, khoán 100 không chỉ đơn giản là cải tiến hình thức khoán mà nó là bước đột phá cho quá trình đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, là bước chuyển có ý nghĩa trên đường xác lập lại vai trò tự chủ của hộ nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Hiệu quả thực tiễn mà khoán 100 mang lại đã được Đại hội V của Đảng (3-1982) khẳng định: "Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đang trở thành một động lực thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp"².

Sau Đại hội V, BBT ban hành Chỉ thị 19 về cải tạo nông nghiệp Nam Bộ, Chỉ thị 29 về giao đất giao rừng cho các hộ nông dân ở miền núi; Chỉ thị 38 về phát triển kinh tế gia đình...

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị nêu trên của Đảng, các hộ nông dân đã dần được giải phóng sức lao động khỏi sự ràng buộc của cơ chế cũ, và điều đó cũng có nghĩa giải phóng một bước lực lượng sản xuất trong nông nghiệp - nông thôn, nhờ đó sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1981-1985 đã tăng rõ rệt cả về năng suất, sản lượng, nâng cao hơn mức bình quân lương thực đầu người mỗi năm.

Tuy nhiên, đến năm 1986 - 1987, sản xuất nông nghiệp lại lâm vào tình trạng giảm sút. Sau một thời

gian thực hiện, khoán 100 bắt đầu bộc lộ những hạn chế. Về thực chất, khoán 100 chỉ là giải pháp tình thế, nên chưa tạo được sự thay đổi căn bản đối với cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp và chưa giải phóng hoàn toàn sức lao động của các hộ gia đình xã viên. Thêm vào đó, mức khoán hợp tác xã giao cho hộ xã viên lại luôn thay đổi, theo hướng tăng lên làm cho động lực vượt khoán đối với nông dân bị suy giảm; hiện tượng nợ đọng sản phẩm đối với hợp tác xã cũng ngày càng lớn; công tác tổ chức, quản lý sản xuất của hợp tác xã tiếp tục bộc lộ thêm sự bất cập...

Thực trạng đó đòi hỏi cần phải có những giải pháp cơ bản, mạnh mẽ hơn nhằm đổi mới và hoàn thiện hơn nữa cơ chế quản lý nông nghiệp, nâng cao vai trò tự chủ của kinh tế hộ.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra (tháng 12-1986), nhằm tiếp tục xác lập quyền tự chủ của hộ nông dân, đáp ứng yêu cầu giải phóng sức sản xuất, chuyển nền nông nghiệp nước ta còn mang nặng tính tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, ngày 5-4-1988, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý nông nghiệp (còn gọi là khoán 10).

Theo tinh thần đổi mới, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị đã kiểm điểm sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng về nông nghiệp, nêu rõ những nguyên nhân làm cho nông nghiệp chậm phát triển... trong đó có nhận định: đã chủ quan nông hộ trong cải tạo quan hệ sản xuất, gò ép nông dân vào HTX, vào tập đoàn sản xuất; tập thể hoá tư liệu sản xuất một cách triệt để trong khi chưa đủ điều kiện. Trong một thời gian dài thiếu chính sách khuyến khích kinh tế hộ gia đình, chưa có chính sách sử dụng đúng đắn kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, chưa tổ chức tốt việc liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế...

Nghị quyết 10 đề ra yêu cầu cơ bản của đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp là phải thực sự giải phóng sức sản xuất, phát huy được mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, các vùng, các ngành, chuyển nền nông nghiệp tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Nghị quyết khẳng định: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Tiến hành giao khoán ruộng đất cho hộ nông dân

với thời gian ổn định từ 10 - 15 năm. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ để cung ứng thêm nhiều sản phẩm hàng hoá cho xã hội và tăng thêm thu nhập cho gia đình. Hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ. Với Nghị quyết 10, vai trò của hợp tác xã có sự thay đổi cơ bản: Hợp tác xã chuyển sang làm chức năng dịch vụ và định hướng cho kinh tế hộ là chính.

Ngay sau Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, HNTƯ 6 (3-1989) đã hoàn thiện thêm cơ chế quản lý nông nghiệp; khẳng định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn, được quyền chủ động sản xuất kinh doanh, được khuyến khích làm giàu... Nghị quyết 10 của Bộ chính trị và Nghị quyết HNTƯ 6 (Khóa VI) đáp ứng nguyện vọng bức thiết của hàng triệu hộ nông dân trên cả nước, đã thực sự giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp mà lực lượng cơ bản là kinh tế hộ nông dân, từ đó, tạo ra sự tăng trưởng liên tục trong sản xuất nông nghiệp, bước đầu tạo ra sự chuyển dịch tiến bộ từ kinh tế tiểu nông tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá.

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt là kể từ khi thực hiện cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp, nông nghiệp - nông thôn nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào việc từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Bởi vậy, tại Đại hội VII (6-1991), Đảng ta tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng hàng đầu của nông nghiệp, coi "phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội"³; đồng thời coi trọng vai trò, vị trí của kinh tế hộ, khuyến khích "phát triển mạnh kinh tế gia đình bằng nhiều hình thức"⁴. Việc phát huy mạnh mẽ vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân cũng đã trở thành "một nhân tố quyết định sự chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp nông thôn"⁵, do vậy tại HNTƯ 5 (Khóa VII), Đảng ta khẳng định: "Bản thân hộ nông dân có vị trí không thể thay thế được"⁶. Từ đó, các quyền tự chủ của kinh tế hộ được mở rộng hơn, đặc biệt là về vấn đề ruộng đất. Sức sản xuất của các hộ nông dân được giải phóng mạnh mẽ, tạo điều kiện

khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, tài nguyên, sức lao động, nguồn vốn..., làm thay đổi sâu sắc, toàn diện kinh tế nông nghiệp - nông thôn. Sản xuất nông nghiệp đã tăng trưởng liên tục và ổn định, hướng tới bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Các hộ nông dân đẩy mạnh đa dạng hóa sản xuất, thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa, chuyển sang sản xuất hàng hóa với quy mô ngày càng lớn, trong đó mô hình kinh tế trang trại gia đình là một dạng thức tiêu biểu.

Tiếp tục định hướng cho sự phát triển của kinh tế hộ theo mô hình kinh tế mới mẽ này, tháng 11 - 1998, Bộ chính trị ra Nghị quyết 06 nêu rõ cần tiếp tục khuyến khích phát triển kinh tế hộ, coi "Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn (lâm nông nghiệp, ngư nghiệp, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp... hoặc kết hợp làm nhiều ngành nghề) là loại hình sản xuất có hiệu quả về kinh tế - xã hội, tồn tại và phát triển lâu dài, có vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Tiếp tục khuyến khích kinh tế hộ phát triển mạnh mẽ để tạo ra lượng sản phẩm hàng hoá đa dạng, có chất lượng, giá trị ngày càng cao, tăng thu nhập cho mỗi gia đình nông dân, cải thiện đời sống mọi mặt ở nông thôn, cung cấp sản phẩm cho công nghiệp và xuất khẩu, đồng thời chuyển dịch cơ cấu ngay từ kinh tế hộ..."⁷. Nghị quyết cũng chỉ rõ: "Ở nông thôn hiện nay đang phát triển mô hình trang trại nông nghiệp phổ biến là các trang trại gia đình, thực chất là kinh tế hộ sản xuất hàng hoá với quy mô lớn hơn, sử dụng lao động, tiến vốn của gia đình là chủ yếu để sản xuất kinh doanh có hiệu quả..."⁸. Nghị quyết 06 của Bộ chính trị khuyến khích phát triển kinh tế trang trại có tác dụng đưa kinh tế hộ nông dân tiến đến trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH...

Từ Đại hội VIII (6-1996) đến Đại hội IX (4-2001), trong chủ trương đẩy mạnh CNH, HĐH mà trọng tâm là CNH, HĐH nông nghiệp - nông thôn, Đảng ta tiếp tục coi trọng và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế hộ, bảo đảm cho đơn vị kinh tế này phát huy tối đa vai trò, vị trí và sức mạnh tiềm ẩn của nó. Đặc biệt, tháng 3-2002, HNTƯ 5 (Khóa IX) của Đảng đã ra Nghị quyết về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến

khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; trong đó xác định kinh tế tư nhân gồm: kinh tế cá thể (cá nhân, hộ gia đình), tiểu chủ và tư bản tư nhân... Nghị quyết Hội nghị có ý nghĩa quan trọng trong việc thống nhất về nhận thức, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế tư nhân, trong đó có kinh tế hộ gia đình phát triển mạnh mẽ và đúng hướng hơn... Đối với đơn vị kinh tế này, NQTƯ 5 chỉ rõ: "Kinh tế hộ nông dân tồn tại lâu dài trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế hộ, kinh tế trang trại phát triển sản xuất hàng hóa với qui mô ngày càng lớn"⁹.

Như vậy, đến HNTƯ 5 (Khóa IX), những kết luận mang tính chất định hướng cho sự tồn tại và phát triển của kinh tế hộ tiếp tục được làm rõ hơn trong tổng thể các quan điểm, chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, tạo ra những điều kiện, vận hội mới cho sự phát triển của kinh tế hộ theo hướng CNH, HĐH.

Phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ là một nhu cầu tất yếu và cấp thiết, nhưng hiện nay kinh tế hộ đang gặp nhiều khó khăn trở ngại, đòi hỏi tiếp tục phải giải quyết, như: vấn đề thiếu vốn để đầu tư phát triển sản xuất; sức cạnh tranh của nông sản không cao, khó khăn trong tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; lao động dư thừa ở nông thôn; vấn đề đất đai trong sản xuất... Những vấn đề đó rất cần tiếp tục có hệ thống giải pháp (cả vĩ mô và vi mô) để kinh tế hộ phát triển vững vàng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

1. Một số Văn kiện của Đảng về phát triển nông nghiệp, CTQG, H, 1993, tr.11

2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, ST, H, 1982, T. II, tr. 18

3, 4. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, ST, H, 1991, tr. 63, 68

5, 6. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Khóa VII, 1993, tr. 41, 41

7, 8. Xem: Trang trại gia đình – Bước phát triển mới của kinh tế hộ nông dân, NXB Nông nghiệp, 2000, tr. 16, 18

9. Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Khóa IX, CTQG, H, 2002, tr. 100-101.

ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ...

(Tiếp theo trang 5)

Với khẩu hiệu: "Đánh đổ đế quốc Pháp thống trị! Chống phát xít Nhật xâm lược!" "Chống vua chúa bóc lột và tất cả bọn tay sai phản bội dân tộc", cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, kế thừa và nêu cao tinh thần quật khởi của dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa mang tính chất nhân dân rộng rãi vì tất cả các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong xã hội đều tham gia khởi nghĩa với quy mô rộng lớn trên toàn Nam Kỳ.

Với khí thế "Tiến công trời", phát cao lá cờ đỏ sao vàng, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã làm rung chuyển hệ thống chính quyền thống trị của đế quốc Pháp và bọn tay sai, làm tan rã bộ máy cai trị của địch ở một số vùng nông thôn, thị trấn và thành lập chính quyền tự quản ở những nơi này.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ đã chứng minh chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu của HNTƯ tháng 11-1939 với những sách lược và phương pháp đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới là hoàn toàn đúng đắn.

Cuộc khởi nghĩa đã để lại nhiều bài học quý giá về lãnh đạo khởi nghĩa vũ trang, về xây dựng lực lượng khởi nghĩa. Đội ngũ cán bộ, đảng viên và hàng vạn quần chúng đã được thử thách, tôi luyện, chuẩn bị cho cao trào cách mạng giải phóng dân tộc dẫn tới Cách mạng tháng Tám 1945.

Tinh thần chiến đấu anh dũng, kiên cường bất khuất của Đảng bộ và nhân dân Nam Kỳ trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ sống mãi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc ta. Tinh thần, chí khí ấy đã góp phần làm nên Cách mạng tháng Tám năm 1945 cùng nhân dân cả nước giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

1, 4. Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, CTQG, H, 2000, T.7 tr. 108, 86-87

2, 3. Sơ, T.6, tr. 536, 539